

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

Nguyễn Văn Thùy*

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Tóm tắt: Điện thoại thông minh (ĐTTM) được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, theo các mức độ và khoảng thời gian khác nhau. Việc sử dụng này có những tác động tích cực và tiêu cực đến cuộc sống về mọi mặt. Đối với sinh viên, sử dụng ĐTTM, ngoài việc trải nghiệm những thứ mới mẻ, học tập những kỹ năng cần thiết thì ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến kết quả học tập. Bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi theo thang đo likert 5 cấp độ, tác giả đã thu thập thông tin mô tả về thực trạng sử dụng ĐTTM của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An. Qua đó, tác giả đánh giá và xác định được mức độ ảnh hưởng của việc sử dụng ĐTTM, đồng thời đề xuất hướng sử dụng ĐTTM một cách có hiệu quả, phát huy mặt tích cực của ĐTTM nhằm nâng cao kết quả học tập nói chung và học tiếng Anh nói riêng cho sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Key words: Điện thoại thông minh, học ngoại ngữ, ảnh hưởng, tác động

1. Mở đầu

Điện thoại thông minh (ĐTTM) ra đời đã tác động không ít đến mọi lĩnh vực cuộc sống. Những tác động của ĐTTM đến đời sống xã hội của con người đã và đang là đề tài đáng quan tâm của nhiều ngành khoa học khác nhau, trong đó có giáo dục học. ĐTTM được xem là một trong những công cụ hỗ trợ người học trong quá trình tìm hiểu các kiến thức chuyên môn và xã hội. Đặc biệt, trong giai đoạn đại dịch covid 19 diễn biến phức tạp, nhiều trường học trên cả nước tiến hành thực hiện việc dạy và học online, ĐTTM lại càng khẳng định được vị trí, chức năng và vai trò trong việc hỗ trợ người học. Nhiều nghiên cứu trong nước và trên thế giới đã khẳng định việc sử dụng điện thoại thông minh đã có những tác động nhất định đến đời sống vật chất và tinh thần của người dùng. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra những tác động tích cực như: củng cố tương tác xã hội và tối ưu hóa giao tiếp (Geser, 2004); với việc sử dụng điện thoại thông minh các chuyên gia chăm sóc sức khỏe có thể truyền đạt các thông điệp về sức khỏe để điều chỉnh hành vi lối sống và giám sát dữ liệu sức khỏe bệnh nhân (Blake, 2013; Fjeldsoe, Marshall, & Miller, 2009); cung cấp các nguồn học liệu qua điện thoại thông minh; tiếp cận nguồn học liệu dễ dàng và thuận lợi (Traxler, 2009); học ngoại ngữ dễ dàng hơn (Thornton & Houser, 2005). Bên cạnh đó nhiều nghiên cứu khác đã thực hiện điều tra, khảo sát và đi đến một số kết luận về ảnh hưởng tiêu cực gồm: chất lượng giấc ngủ kém (nhóm nghiên cứu Yang, Fu, Liao, & Li, 2020); thiếu sự tập trung (Marty-Dugas, Ralph, Oakman, & Smilek, 2018); sao nhãng và trì hoãn việc học (nhóm nghiên cứu Yang, Asbury, & Griffiths, 2018), kết quả học tập giảm sút (Baert và cộng sự, 2020), tương tác xã hội ở đối tượng học sinh trung học phổ thông giảm (Nguyễn Thị Hoa, 2016). Trong thực tế, qua quan sát, tác giả nhận thấy sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An có sử dụng ĐTTM. Với mục tìm hiểu thực trạng việc sử dụng ĐTTM của sinh viên để từ đó đề xuất việc sử dụng ĐTTM một cách có hiệu quả, tác giả tiến hành thực hiện đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của

* Email: vanthuy76@gmail.com

việc sử dụng điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An”.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm điện thoại di động

Điện thoại di động (ĐTDD), là loại điện thoại có thể thực hiện và nhận cuộc gọi thoại thông qua kết nối dựa trên tần số vô tuyến vào mạng viễn thông trong khi người dùng đang di chuyển trong khu vực dịch vụ. Kết nối vô tuyến thiết lập kết nối với các hệ thống chuyển mạch của nhà khai thác mạng di động, cung cấp quyền truy cập vào mạng điện thoại chuyển mạch công cộng. Các dịch vụ điện thoại di động hiện đại sử dụng kiến trúc mạng tế bào (cellular network) và do đó, điện thoại di động được gọi là cellular telephones hay cell phones. ĐTDD là thiết bị viễn thông liên lạc có thể sử dụng trong không gian rộng, phụ thuộc vào nơi phủ sóng của nhà cung cấp dịch vụ. Chất lượng sóng phụ thuộc vào thiết bị mạng và phần nào địa hình nơi sử dụng máy chứ ít khi bị giới hạn về không gian.

2.2. Khái niệm điện thoại thông minh

Điện thoại thông minh là điện thoại di động có các tính năng cao cấp. Một chiếc ĐTTM điển hình phải có màn hình cảm ứng độ phân giải cao, có thể kết nối WiFi và các trình duyệt web, có khả năng duyệt, chấp nhận các ứng dụng phức tạp và thực hiện các chức năng như:

- Có thể được nghe giọng, nhìn hình ảnh trực tiếp của người đang nói chuyện với mình một cách chân thực, gần gũi;
- Thực hiện thanh toán trực tuyến trong mua bán, kinh doanh;
- Định vị, xác định địa chỉ;
- Lập kế hoạch, ghi nhật ký cá nhân;
- Thực hiện chức năng như một thiết bị điều khiển từ xa;
- Theo dõi sức khỏe cá nhân;
- Thuyết trình bằng powerpoint như máy tính;
- Thực hiện kết nối với các trang mạng xã hội như facebook, zalo, tiktok...;
- Thực hiện và tham gia các cuộc hội họp, học tập trực tuyến ...;
- Dùng như một công cụ để đo góc và đo độ cao;
- Dùng như một công cụ giám sát hành trình trên ô tô.

2.3. Thực tiễn sử dụng điện thoại thông minh trên thế giới và ở Việt Nam

Theo Statistic, tính đến quý 2 năm 2022, số người sử dụng điện thoại di động là 7,26 tỷ người, chiếm 91,54% số người trên thế giới sở hữu điện thoại di động, bao gồm cả điện thoại thông minh và điện thoại phổ thông. Trong số 7,26 tỷ người đó, số lượng người dùng ĐTTM là 6,648 tỷ người, chiếm 83,72% dân số thế giới. Cũng theo số liệu thống kê của Statista năm 2020, tỷ lệ sử dụng ĐTTM tại Việt Nam đứng thứ 9 thế giới, cao hơn Indonesia và Philippines. Số liệu thống kê về lĩnh vực viễn thông của Bộ Thông tin và Truyền thông trong dự thảo báo cáo đánh giá công tác quản lý nhà nước quý 3 và nhiệm vụ quý 4/2021 vừa công bố cho biết, số thuê bao

điện thoại di động (tính đến quý 3/2021) của Việt Nam đạt 123 triệu, trong đó số thuê bao điện thoại smartphone đạt 90,3 triệu, chiếm 73,4% số thuê bao điện thoại di động. Đây là những con số khá ấn tượng, chứng minh ĐTTM đang được ưu tiên làm thiết bị kết nối trong nhiều lĩnh vực đời sống nhờ vào sự tiện lợi và phổ biến của chúng.

2.4. Ảnh hưởng của việc sử dụng ĐTTM đối với hoạt động học tập

Ảnh hưởng của việc sử dụng điện thoại thông minh đến hoạt động học tập của người học là một trong những vấn đề đáng quan tâm của các nhà nghiên cứu giáo dục học hiện nay.

Ifeanyi và Chukwuere (2018) xác nhận việc sử dụng ĐTTM có cả ảnh hưởng tiêu cực và tích cực lên quá trình học tập tùy thuộc vào cách ĐTTM được sử dụng. Các tác giả chú trọng nhấn mạnh vào mặt tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM khi chính nó đã trở thành một thứ gây mất tập trung trong quá trình học tập. Sinh viên có thể sẽ hướng sự tập trung của mình vào điện thoại thông minh để kiểm tra, theo dõi các thông tin, thông báo, cập nhật gần như mỗi phút nếu không được giảng viên kiểm soát chặt chẽ. Từ đó các tác giả nhấn mạnh đến việc định hướng cách sử dụng ĐTTM như thế nào để phát huy mặt tích cực của nó trong quá trình học tập là một thách thức lớn đối với người dạy.

Nhóm tác giả Kibona và Mgya (2015) lại ví điện thoại thông minh là “thanh kiếm hai lưỡi” nơi hầu hết các ứng dụng như WhatsApp, Facebook, Zalo, Instagram và trò chơi trực tuyến gây ảnh hưởng tiêu cực đến người học ở mọi cấp độ. Những ứng dụng trên ĐTTM được nhóm tác giả này xem là chất gây nghiện, vô tình chiếm hết thời gian của người học làm ảnh hưởng đến việc học của họ.

Chun Lee và cộng sự (2012) với đề tài “Nghiện điện thoại thông minh và ảnh hưởng của nó đến việc học của sinh viên” cho thấy sinh viên càng nghiện điện thoại thông minh thì khả năng tự học càng giảm. Quá trình học tập của sinh viên thường bị gián đoạn bởi các ứng dụng của điện thoại thông minh và họ không kiểm soát được việc học của mình.

Tại Việt Nam chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về ảnh hưởng của điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên. Các nghiên cứu ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào ảnh hưởng của ĐTTM đến các mối quan hệ xã hội và tương tác xã hội. Trịnh Nguyễn Thanh Trúc và cộng sự (2016) là nhóm tác giả đầu tiên nghiên cứu về vấn đề này. Họ cho rằng việc sử dụng điện thoại thông minh của sinh viên phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau. Trong đó, việc sử dụng ĐTTM cho mục đích học tập và mục đích thể hiện bản thân có mối liên hệ trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên. Càng sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập thì kết quả học tập càng cao và càng sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện bản thân thì kết quả học tập càng giảm. Nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu của mình trên 2 nhóm đối tượng khác nhau, trường ĐH công lập và trường ĐH dân lập. Kết quả cho thấy, sinh viên giữa hai nhóm trường có mức độ sử dụng điện thoại thông minh và kết quả học tập tương đồng với nhau. Tức là ảnh hưởng của việc sử dụng điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên không liên quan đến môi trường học tập.

Nguyễn Xuân Nghĩa và cộng sự (2017), trong công trình nghiên cứu của mình về “Điện thoại thông minh và những ảnh hưởng đến học tập và quan hệ xã hội” đã khẳng định việc sử dụng ĐTTM có ảnh hưởng đến quan hệ xã hội và kết quả học tập của sinh viên. Các tác giả nhấn mạnh rằng, trong tương lai với những cải tiến, với sự gọn nhẹ so với laptop, với tất cả tính năng hội

tụ chỉ trong một thiết bị (all in one), có thể sử dụng mọi lúc mọi nơi, ĐTTM có thể trở thành một công cụ quan trọng không thể thiếu trong việc học tập, trong việc tạo ra các quan hệ xã hội của thanh niên nói chung và nhất là đối với sinh viên.

Nói tóm lại, cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống của người dân đang được nâng cao, sự tiếp cận với thành quả của khoa học kỹ thuật ngày càng gần hơn, từ đó mà những tác động của những thành quả này đến đời sống của họ cũng sâu sắc và to lớn hơn. Thực tiễn của việc sử dụng ĐTTM ở trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã thể hiện rất rõ sự ảnh hưởng cũng như sự tác động to lớn đó. Thông qua các nghiên cứu trong và ngoài nước, ta có thể thấy ĐTTM ngày càng được sử dụng phổ biến trong cộng đồng sinh viên với nhiều mục đích khác nhau như: hỗ trợ học tập, giao tiếp, thông tin liên lạc... Việc sử dụng điện thoại thông minh này có ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực đến đời sống, sức khỏe và kết quả học tập của sinh viên.

3. Câu hỏi nghiên cứu

1. Sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An có sử dụng ĐTTM vào mục đích học tập không?
2. Yếu tố nào việc sử dụng ĐTTM có ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả học tập môn tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An?
3. Giải pháp nào tối ưu giúp sinh viên phát huy được tính tích cực của việc sử dụng ĐTTM nhằm nâng cao kết quả học tập môn tiếng Anh?

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng việc sử dụng ĐTTM của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An, tác giả chọn ngẫu nhiên 186 sinh viên đang sử dụng ĐTTM trong số các sinh viên K6, K7 và K8 để tiến hành điều tra thu thập thông tin phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Đặc điểm mẫu gồm sinh viên các ngành đang được đào tạo tại trường. Mẫu không phân biệt cụ thể số lượng nam, nữ, độ tuổi, khóa học, ngành học, vùng miền. Tỷ lệ sinh viên ở các khóa lần lượt là 38,7%, 32,8%, 28,5% cho các khóa 6,7,8. Như vậy, số lượng mẫu phân bố tương đối đều nhau ở các khóa, trong đó sinh viên khóa 6 có tỷ lệ tham gia nhiều nhất. Ngành học có số sinh viên tham gia đông nhất là Kế toán, tiếp đến là Quản trị Kinh doanh, Tài chính ngân hàng có số lượng sinh viên tham gia khảo sát ít nhất. Số lượng, đặc điểm mẫu cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. Đặc điểm mẫu

Ngành học	Khóa học			Tổng số SV
	K6	K7	K8	186
Kế toán	30	20	27	77
Thú Y	24	15	6	45
Quản trị Kinh doanh	15	15	20	50
Ngành Kinh tế	0	9	0	9
Tài chính ngân hàng	3	2	0	5

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng

4.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

4.2.1.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Vận dụng phương pháp phân tích tài liệu, tác giả đã đọc và phân tích các nghiên cứu, các đề tài đã được công bố có liên quan đến những ảnh hưởng của việc sử dụng ĐTTM với kết quả học tập của học sinh, sinh viên.

4.2.1.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng nhằm thu thập thông tin mô tả về thực trạng sử dụng ĐTTM của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An hiện nay. Để khảo sát thực trạng việc sử dụng ĐTTM của sinh viên, tác giả sử dụng bảng hỏi cấu trúc theo thang đo likert 5 cấp độ (phụ lục 1). Qua đó, tác giả tiến hành đánh giá và phân tích thực trạng, đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng ĐTTM với kết quả học tập môn tiếng Anh của sinh viên.

4.2.1.3. Phương pháp thực nghiệm

Để xác định giải pháp tối ưu giúp sinh viên phát huy được tính tích cực của việc sử dụng ĐTTM nhằm nâng cao kết quả học tập môn tiếng Anh, phương pháp thực nghiệm sư phạm đã được tác giả sử dụng nhằm thử nghiệm các ứng dụng học tiếng Anh được tích hợp trên ĐTTM, đồng thời thu thập ý kiến của người học về các ứng dụng đó.

4.2.2. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Để xử lý và phân tích dữ liệu, tác giả sử dụng các công cụ xử lý và phân tích số liệu sau:

4.2.2.1. Thống kê mô tả

Các tham số thống kê được mô tả là Một, Trung vị, Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Giá trị của các tham số được tính theo công thức có trong phần mềm Excel:

Bảng 2. Công thức tính tham số thống kê mô tả

Tham số	Công thức tính trong phần mềm Excel
Mode	=Mode(number1, number 2, ...)
Trung vị	=Median(number1, number2, ...)
Giá trị trung bình	=Average(number1, number 2, ...)
Độ lệch chuẩn	=Stdev(number1, number 2, ...)

(Nguồn: Tài liệu nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, Bộ GD-ĐT, 2009)

Mode thể hiện tần suất xuất hiện nhiều nhất của một đối tượng trong chuỗi dữ liệu

Trung vị thể hiện vị trí trung tâm của đối tượng trong chuỗi dữ liệu

Giá trị trung bình thể hiện giá trị bình quân của chuỗi dữ liệu

Độ lệch chuẩn đo lường sự phân tán của các dữ liệu trong chuỗi

4.2.2.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Hệ số Cronbach's Alpha được tác giả sử dụng để đo độ tin cậy của bảng hỏi. Cronbach's Alpha là một hệ số kiểm định thống kê về mức độ tin cậy và tương quan giữa các biến quan sát trong thang đo. Việc kiểm định độ tin cậy thang đo có thể được xác định nhờ hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) nhằm loại bỏ các biến rác khỏi thang đo lường. Theo Nunnally & Burnstein (1994), các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0.3 được coi là biến rác và cần được loại bỏ. Độ tin cậy của thang đo được xác định như sau:

Từ 0.8 đến gần bằng 1: thang đo lường rất tốt.

Từ 0.7 đến gần bằng 0.8: thang đo lường sử dụng tốt.

Từ 0.6 trở lên: thang đo lường đủ điều kiện.

(Nguồn: Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS Tập 2, NXB Hồng Đức, Trang 24)

Giá trị của độ tin cậy các thang đo được tác giả đánh giá bằng phần mềm excel thông qua hàm confidence theo cú pháp:

=CONFIDENCE(alpha,standard_dev,size). Trong đó:

Alpha: Là mức quan trọng được dùng để tính toán mức tin cậy.

Mức tin cậy sẽ bằng $100 \times (1 - \alpha)\%$.

standard_dev: Là đại lượng đo mức độ phân tán của tập dữ liệu.

Size: Là kích thước mẫu

Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo như sau:

Bảng 3. Độ tin cậy của thang đo

Mục đích sử dụng điện thoại	Độ tin cậy
Giải trí	0,89
Học tập	0,96
Giao tiếp	0,97
Thể hiện bản thân	0,83
Khác	0,71
Yếu tố ảnh hưởng KQ học tập	0,93

Như vậy, nhìn vào bảng thống kê (bảng 3) ta thấy các thang đo đều có giá trị từ 0.7 trở lên Điều này có nghĩa là các thang đo có độ tin cậy cao và có thể sử dụng tốt và rất tốt.

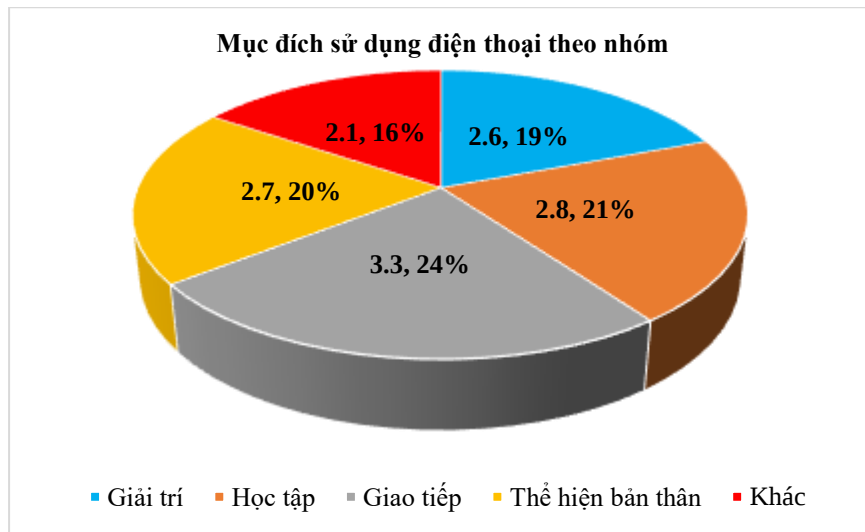
4.2.2.3. Hồi quy tuyến tính

Sau khi đã kiểm định thang đo, loại bỏ biến rác, tác giả tiến hành lập công thức hồi quy tuyến tính nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các biến để từ đó đề xuất cách sử dụng ĐTTM một cách có hiệu quả trong học tập bộ môn tiếng Anh cho SV trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Mục đích sử dụng ĐTTM của SV trường đại học Kinh tế Nghệ An

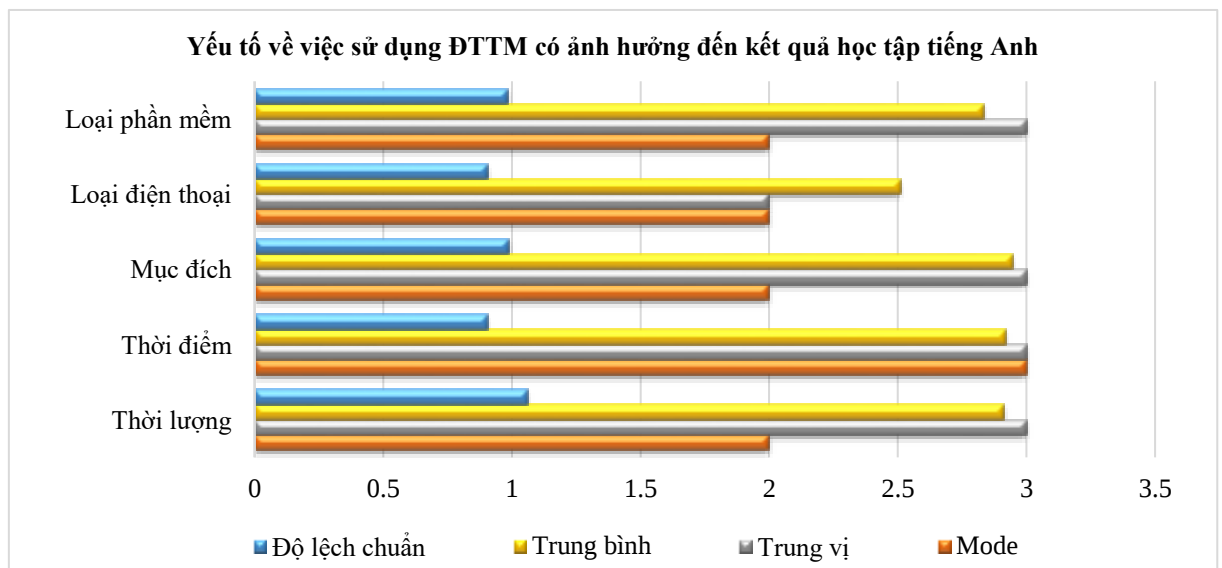
Cũng giống sinh viên các trường Đại học khác, sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An sử dụng điện thoại thông minh với nhiều mục đích khác nhau như giải trí, giao tiếp, học tập, mua bán hàng online... Số liệu từ biểu đồ 5 dưới đây cho thấy việc sử dụng ĐTTM của sinh viên được phân bổ tương đối đồng đều ở các nhóm mục đích, nhiều nhất là nhóm giao tiếp (24%), tiếp đến là nhóm mục đích học tập (21%), nhóm thể hiện bản thân (20%), nhóm mục đích giải trí chiếm tỷ lệ 19% và cuối cùng là nhóm mục đích khác 16%. Biểu đồ 1 sau đây đã trả lời cho câu hỏi nghiên cứu 1. Sinh viên trường đại học Kinh tế Nghệ An có sử dụng ĐTTM phục vụ cho học tập, tuy nhiên tần suất sử dụng chưa cao (21%)



Biểu đồ 1. Tần suất sử dụng ĐTTM theo nhóm mục đích

5.2. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sử dụng điện thoại thông minh đến kết quả học tập môn tiếng Anh

Để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu thứ 2, tác giả đã khảo sát mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sử dụng ĐTTM. Theo số liệu khảo sát SV ở biểu đồ 2 dưới đây, ta có thể thấy đa số sinh viên được hỏi đều không đồng ý cho rằng các yếu tố liên quan đến loại phần mềm, loại điện thoại, mục đích sử dụng điện thoại, thời lượng sử dụng điện thoại có ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học (mode = 2, tương đương “Không đồng ý”). Phần lớn sinh viên còn phân vân liệu thời điểm sử dụng ĐTTM có phải là yếu tố quyết định đến kết quả học tập của họ. Điều này có thể khẳng định rằng, sinh viên chú trọng đến thời điểm sử dụng ĐTTM. Nếu việc sử dụng này diễn ra trong quá trình học sẽ có những tác động, những ảnh hưởng nhất định đến kết quả học tập của sinh viên.



Biểu đồ 2. Giá trị tham số mô tả của yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học TA

Tuy nhiên để đánh giá chính xác mức độ ảnh hưởng của các yếu tố được đề cập ở trên, tác giả đã tiến hành tính hệ số tương quan Pearson. Hệ số tương quan Pearson cho biết mức độ chặt chẽ của mối liên hệ tuyến tính giữa 2 biến định lượng. Nếu Pearson = 0 tức 2 biến không có mối liên hệ, Nếu giá trị tuyệt đối của Pearson tiến gần đến 1 thì 2 biến có mối liên hệ tương quan chặt chẽ. Nếu Pearson có giá trị âm thì 2 biến có quan hệ nghịch chiều, Pearson có giá trị dương thì 2 biến có quan hệ thuận chiều. (Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Các yếu tố được khảo sát gồm YT1 đến YT5, lần lượt là: thời lượng sử dụng ĐT, thời điểm sử dụng ĐT, mục đích sử dụng ĐT, loại ĐT, loại phần mềm trên ĐT.

Bảng 4. Hệ số tương quan Pearson giữa các YT ảnh hưởng với kết quả học tập của SV

Correlations							
		YT1	YT2	YT3	YT4	YT5	KQHT
YT1	Pearson Correlation	1	.605**	.643**	.494**	.394**	.175*
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000	.017
	N	186	186	186	186	186	186
YT2	Pearson Correlation	.605**	1	.742**	.307**	.360**	.134
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000	.068
	N	186	186	186	186	186	186
YT3	Pearson Correlation	.643**	.742**	1	.512**	.511**	.134
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000	.067
	N	186	186	186	186	186	186
YT4	Pearson Correlation	.494**	.307**	.512**	1	.398**	.082
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000	.265
	N	186	186	186	186	186	186
YT5	Pearson Correlation	.394**	.360**	.511**	.398**	1	.113
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000		.124
	N	186	186	186	186	186	186
KQHT	Pearson Correlation	.175*	.134	.134	.082	.113	1
	Sig. (2-tailed)	.017	.068	.067	.265	.124	
	N	186	186	186	186	186	186
**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).							
*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).							

Số liệu ở bảng 2 cho ta thấy các giá trị Pearson Correlation trả về đều có kết quả dương. Điều này có nghĩa là mối quan hệ tuyến tính của các biến là mối quan hệ thuận. Các biến độc lập YT tăng, kéo theo biến phụ thuộc KQHT tăng. Giá trị mối quan hệ tuyến tính giữa các biến YT với biến KQHT không cao. Từ đó, ta có thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó lên kết quả học tập là không cao. Giá trị cao nhất trả về là 0,175 dành cho yếu tố thời lượng sử dụng ĐTTM. Như vậy yếu tố thời lượng sử dụng ĐTTM được đánh giá là yếu tố có ảnh hưởng nhất đến kết quả học môn tiếng Anh.

5.3. Giải pháp sử dụng điện thoại thông minh nhằm nâng cao kết quả học tập môn Tiếng Anh của sinh viên.

Để xác định giải pháp tối ưu nhằm phát huy tính tích cực của việc sử dụng ĐTTM, tác giả đã tiến hành thực nghiệm trên đối tượng nghiên cứu một số phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và phương pháp thực hành bài tập bằng việc sử dụng ĐTTM. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5. Nhận thức của SV về các giải pháp phát huy tiện ích của ĐTTM để nâng cao kết quả học tập môn tiếng Anh.

	N	Min	Max	Mode	Median	Mean	Std. Deviation	Độ tin cậy
Sử dụng sách nói	186	2	5	4	4	3,73	,668	,87
Sử dụng phần mềm	186	2	5	3	3,5	3,51	,827	
Đặt ảnh nền	186	2	5	4	4	3,69	,778	
Tham gia diễn đàn tiếng Anh	186	2	5	4	4	3,69	,776	
Quay video bài thực hành nói	186	2	5	4	4	3,68	,723	
Làm bài tập bằng phần mềm trực tuyến	186	2	5	4	4	3,65	,706	
Valid N (listwise)	186							

Kết quả ở bảng 5 cho ta thấy các phương pháp thực nghiệm có tác động đến người học. Sinh viên có hứng thú nhất với việc sử dụng sách nói với giá trị Mean là 3,73. Tuy nhiên, đa số sinh SV còn phân vân với việc sử dụng các phần mềm học tiếng Anh để nâng cao kết học tập, với giá trị Mean tương ứng là 3,51. Bởi theo họ, các phần mềm hữu dụng đều phải trả phí.

6. Thảo luận và kiến nghị

6.1. Thảo luận

Qua kết quả khảo sát SV (biểu đồ2) và kết quả phân tích số liệu khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến việc sử dụng điện thoại thông minh với kết quả học tập (bảng 1) cho thấy: có sự khác biệt giữa kết quả khảo sát sinh viên và kết quả phân tích bằng phần mềm. Theo quan điểm của đa số sinh viên, thời điểm sử dụng điện thoại có ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả học tập. Theo kết quả phân tích hệ số tương quan Pearson, yếu tố thời lượng sử dụng điện thoại là yếu tố có hệ số tác động lớn nhất. Điều này đồng nghĩa với việc có hai yếu tố liên quan đến việc sử dụng điện thoại thông minh có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập của sinh viên. Đó là thời lượng sử dụng ĐTTM và thời điểm sử dụng ĐTTM. Do vậy để phát huy tối đa những ảnh hưởng tích cực của ĐTTM đối với việc học tiếng Anh của mình, các bạn sinh viên cần thực hiện tốt các quy định về thời điểm sử dụng ĐTTM trong giờ lên lớp cũng như ngoài giờ lên lớp. Bên cạnh đó, SV cần quản lý và tổ chức quỹ thời gian sử dụng ĐTTM trong ngày một cách hợp lý, đồng thời sử dụng điện thoại vào việc vận dụng các ứng dụng, phần mềm, trình duyệt học tiếng Anh mà giảng viên giới thiệu, để trao đổi và học tiếng Anh nhiều hơn.

6.2. Kiến nghị

6.2.1. Đối với giảng viên

- Việc SV sử dụng sách nói thường xuyên có thể nâng cao kỹ năng nghe hiểu, tuy nhiên vấn đề tài chính là vấn đề SV quan ngại. Do đó GV cần tìm hiểu và giới thiệu đến người học các phần mềm sách nói miễn phí.

- Đề tạo hứng thú cho người học trong việc thực hành, GV cần vận dụng các phần mềm mở trên mạng để ra bài kiểm tra, đánh giá, bài thực hành trực tuyến.
- GV cần tìm hiểu và vận dụng các tiện ích có sẵn trên ĐTTM để hướng dẫn người học sử dụng ĐTTM để học tiếng Anh một cách có hiệu quả.

6.2.2. Đối với sinh viên

- Tăng cường sử dụng sách nói nhằm nâng cao kỹ năng nghe và mở rộng vốn từ. Nguồn sách nói tiếng Anh không cần đăng ký, đăng nhập và có phụ đề, hoàn toàn miễn phí gồm: <http://www.storynory.com/>; <http://etc.usf.edu/lit2go/>; <https://www.storylineonline.net/...> Với kho sách đồ sộ, giọng đọc chuẩn Anh – Anh, phụ đề sử dụng tùy ý, <https://www.storylineonline.net/> là một trong những trang web giúp người học có thể thực hiện kỹ năng nghe ngầm để cải thiện kỹ năng nghe của bản thân.
- Cải thiện kỹ năng nói và phát âm bằng cách sử dụng một trong các phần mềm miễn phí mà hiệu quả như: Talk English.com; Hello English.com; App4speakingenglish; Duolingo.com; Tell me more.com; T-flat.com; cake.com...
- Sử dụng chức năng chụp ảnh của điện thoại, chụp lại các từ mới đang học. Dùng hình ảnh đó làm màn hình chờ và màn hình nền của điện thoại. Điều này giúp người học có cơ hội nhìn lại các từ mới mỗi lần sử dụng điện thoại. Việc này lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ giúp cho người học ghi nhớ được từ vựng cần học một cách có hiệu quả.
- Người học có thể luyện tập phát âm tiếng Anh chuẩn các từ chưa biết cách phát âm bằng cách vào Google dịch, đánh từ cần học cách phát âm. Sử dụng tính năng tự đọc từ của Google dịch để luyện phát âm bằng cách bấm vào biểu tượng cái loa. Google sẽ phát âm từ và cho phiên âm để người học có thể tự luyện theo.
- Sử dụng chức năng tìm kiếm bằng giọng nói của google để kiểm tra độ chuẩn xác của phát âm và thực hành việc phát âm từ vựng.
- Thực hiện kỹ thuật nghe ngầm hàng ngày để phát triển kỹ năng nghe. Thông qua nền tảng youtube, người học có thể thực hành các bài luyện nghe từ đơn giản đến nâng cao như: <https://www.youtube.com/watch?v=tcRZ0gLLkFk>; <https://www.youtube.com/watch?v=H2x5Y65SO9w>; các bài học trong giáo trình Tactic for learning; BBC 6 minutes...
- Sử dụng chức năng quay video của ĐTTM, người học có thể tự quay cho mình các bài thực hành nói nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp và cải thiện phản xạ giao tiếp.
- Chủ động thực hành các bài tập ngữ pháp, các bài luyện tập, các bài kiểm tra đánh giá trực tuyến ở các trang web mở như liveworksheet. com; wordwall.com; quiziz.com; EnglishGrammar.org; UsingEnglish.com; Perfect English Grammar; English grammar exercises by Kaplan...
- Để cải thiện tất cả các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, tác giả đề xuất người học đăng ký tài khoản và trải nghiệm trang <https://www.e2english.com>. Qua trang này, người học có thể thực hành các kỹ năng liên quan đến việc học tiếng Anh miễn phí. Người học có thể lựa chọn trình độ tương ứng với khả năng của mình để theo học. Trang web có các bài học từ trình độ Beginner cho đến

trình độ Advanced. Mỗi bài học có bao gồm cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho người học thực hành. Sau khi hoàn thành bài học, người học sẽ nhận được các phản hồi tự động về các lỗi mình gặp trong quá trình thực hành.

- Chủ động tham gia các diễn đàn học tiếng Anh trên mạng. Tác giả giới thiệu sau đây top một số diễn đàn học tiếng Anh miễn phí mà SV nên tham gia

- https://vfo.vn/forum/tieng-anh.208/	- lang-8.com
- tienganh.com.vn	- funeasyenglish.com
- diendan.hocmai.vn	- busuu.com
- englishclub.ehou.edu.vn/	- rosettastone.com

7. Kết luận

Đề tài đã giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu đặt ra. Một số kết quả cụ thể của đề tài gồm:

- Sinh viên chủ yếu sử dụng điện thoại thông minh phục vụ cho mục đích giao tiếp thông qua các hoạt động như nhắn tin, gọi thoại, gọi video miễn phí;
- Sinh viên thường xuyên sử dụng ĐTTM để tra cứu kết quả học tập và lịch học trên website;
- Sinh viên trường ĐH Kinh tế Nghệ An không quan tâm nhiều đến các hoạt động giải trí như chơi games hoặc đọc truyện online, thay vào đó họ chủ yếu theo dõi thông tin người thân, bạn bè trên zalo, facebook;
- Mục đích sử dụng ĐTTM có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả học tập môn tiếng Anh của sinh viên.

Nói tóm lại, với nhiều ứng dụng rất hấp dẫn, ĐTTM nhanh chóng tràn vào các gia đình, các cá nhân trong đó có đối tượng sinh viên. ĐTTM không những là công cụ, thiết bị được sinh viên sử dụng cho mục đích giao tiếp, giải trí, thể hiện giá trị bản thân mà còn là một công cụ hỗ trợ việc học rất hiệu quả. Với việc sử dụng điện thoại thông minh một cách hợp lý, biết khai thác tốt các tính năng và tiện ích của ĐTTM sẽ giúp cho SV đạt được kết quả học tập của tốt hơn

Tài liệu tham khảo

Baert Stijn & Simon Amez, 2020, *Smartphone use and academic performance: A literature review*, International Journal of Education research, Volume 103/2020, Retrieved form <https://doi.org/10.1016/j.ijer.2020.101618>.

Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức.

Geser, 2004, *Towards a sociological theory of the mobile phone*, Retrieved from <https://link.springer.com/content/pdf/10.1007/b138359.227>

Nguyễn Thị Hoa, 2016, *Tác động của việc sử dụng điện thoại thông minh đến sự biến đổi tương tác xã hội của học sinh trung học phổ thông ở nông thôn hiện nay* (Nghiên cứu trường hợp huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang), Luận văn ThS. Xã hội học và Nhân học, 60 31 03

Holly Blake, 2013, *Mobile phone technology in patient care*, British Journal of community Nursing, Volume 13, No.4, Professional Issues.

John Traxler, 2009, *Learning in Mobile age*, International Journal of Mobile and Blended learning, IGI Global publisher, United Kingdom.

Marty-Dugas, J., Ralph, B. C., Oakman, J. M., & Smilek, D. (2018). *The relation between smartphone use and everyday inattention*. *Psychology of Consciousness: Theory, Research, and Practice*, 5(1), 46 <https://doi.org/10.1037/cns0000131>

Thornton & Houser, 2005, *Using mobile in learning English in Japan*, Willey Online library.

Yang, Z., Asbury, K., & Griffiths, M. D. (2018). *An exploration of problematic smartphone use among Chinese university students: Associations with academic anxiety, academic procrastination, self-regulation and subjective well-being*. *International Journal of Mental Health and Addiction*, 1–19. <https://doi.org/10.1007/s11469-018-9961-1>.

Yang, J., Fu, X., Liao, X., & Li, Y. (2020). *Association of problematic smartphone use with poor sleep quality, depression, and anxiety: A systematic review and meta-analysis*. *Psychiatry Research*, 284, 112686. <https://doi.org/10.1016/j.psychres.2019.112686>.

INVESTIGATION INTO THE INFLUENCE OF SMARTPHONE USE ON ENGLISH LEARNING OUTCOMES OF STUDENTS AT NGHE AN UNIVERSITY OF ECONOMICS

Abstract: Smartphones are used for a variety of purposes, differently in frequency and periods of time. The use of smartphones has both positive and negative effects on all aspects in life. For students, using smartphones can help them experience new things and learn necessary skills, yet more or less affects their academic performance. Using a questionnaire adopting a 5-point Likert scale, the researcher collected data reflecting the practice of using smartphones by students at Nghe An University of Economics. Based on the findings, the author determines the degree of influence of the use, and proposes approaches of using smartphones effectively for students at Nghe An University of Economics to take advantage of smartphones to improve their academic performance in general and English competence in particular.

Key words: Smartphones, language learning, effects, impacts